TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1088/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 8, ngày 14 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 873/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Vũ Thị Kiều N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 310/14 đường ML, phường BTĐA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 64Đ/5 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải ngày 06 tháng 9 năm 2022, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2005 (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2005, đăng ký ngày 12/01/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau. Hai vợ chồng đã sống ly

thân từ tháng 01 năm 2020. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T, bà N yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N có hai con chung là Phạm Vũ Yến Nh (giới tính: Nữ; sinh ngày 30/8/2006) và Phạm Quan B (giới tính: Nam; sinh ngày 10/01/2016).

Sau khi ly hôn, cả hai thống nhất giao hai con chung cho bà Vũ Thị Kiều N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng: Cả hai thống nhất ông Phạm Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng cho mỗi con chung 4.000.000 (bốn triệu) đồng/01 tháng cho đến khi trưởng thành, bà Vũ Thị Kiều N được nhận số tiền này. Các bên giao nhận tiền từ ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng.

Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/10/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong trường hợp ông Phạm Nguyễn Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Ông Phạm Nguyễn Ngọc T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N cùng xác định không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N cùng xác định không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N phải chịu. Được cấn trừ vào số tiền lệ phí ông T, bà N đã tạm nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0017369 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N đã nộp đủ lệ phí.

Xét ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N thực sự tự nguyện ly hôn, Tòa án đã hòa giải nhưng không thành. Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con, cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung. Sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 55, Điều 57,

Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N thuận tình ly hôn.

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2005.

- Về con chung: Giao hai con chung Phạm Vũ Yến Nh (giới tính: Nữ; sinh ngày 30/8/2006) và Phạm Quan B (giới tính: Nam; sinh ngày 10/01/2016) cho bà Vũ Thị Kiều N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Ông Phạm Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng cho mỗi con chung 4.000.000 (bốn triệu) đồng/01 tháng cho đến khi trưởng thành, bà Vũ Thị Kiều N được nhận số tiền này. Các bên giao nhận tiền từ ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng.

Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/10/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong trường hợp ông Phạm Nguyễn Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Ông Phạm Nguyễn Ngọc T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N cùng xác định không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N cùng xác định không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N phải chịu.

Được cấn trừ vào số tiền lệ phí ông T, bà N đã tạm nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0017369 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông Phạm Nguyễn Ngọc T và bà Vũ Thị Kiều N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Thắng